HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 85 /2026/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động, biệt phái trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 300/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 500/TTr-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động, biệt phái trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định các chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động, biệt phái trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định các chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động, biệt phái đến công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch, quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Nghị quyết này không điều chỉnh đối với các đơn vị lực lượng vũ trang và các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc diện

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và các tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy quản lý được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển, điều động, biệt phái;

b) Công chức, viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương ở cấp tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức dưới 42 tuổi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất cho ý kiến để cơ quan có thẩm quyền quyết định luân chuyển, điều động giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được biệt phái về công tác ở các xã, phường, đặc khu; công chức, viên chức được biệt phái giữa các xã, phường, đặc khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền để hỗ trợ nhân lực trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ở các địa phương có dự án, công trình trọng điểm của tỉnh;

d) Cán bộ ở cấp xã có quy hoạch chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý, gồm: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển, điều động lên công tác ở cấp tỉnh, từ xã này sang xã khác (giữa các xã, phường, đặc khu) theo phân cấp quản lý cán bộ hiện hành;

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động, biệt phái.

3. Nghị quyết này không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các trường hợp sau:

a) Điều động, biệt phái do nhu cầu cá nhân;

b) Điều động do có kết luận vi phạm của cấp có thẩm quyền (bị kỷ luật hoặc không bị kỷ luật) mà không bố trí ở nơi công tác cũ nên điều động sang vị trí công tác khác;

c) Điều động do cấp có thẩm quyền đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 2. Điều kiện, thời gian hưởng các chính sách hỗ trợ

1. Điều kiện chung hưởng các chính sách hỗ trợ

Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động, biệt phái chỉ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này khi khoảng cách từ nơi thường trú tới cơ quan, đơn vị được luân chuyển, điều động, biệt phái đến từ 15 km trở lên.

2. Thời gian hưởng các chính sách hỗ trợ

a) Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 1 được luân chuyển, điều động hưởng chính sách hỗ trợ không quá 05 năm đối với mỗi lần được luân chuyển, điều động;

b) Cán bộ, công chức, viên chức được biệt phái hưởng chính sách hỗ trợ theo thời gian biệt phái; trường hợp gia hạn thời gian biệt phái thì tổng thời gian hưởng chính sách hỗ trợ không quá 05 năm;

c) Đối với chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí, hỗ trợ đi lại và hỗ trợ thuê nhà ở, trường hợp thời gian hưởng trong tháng không đủ 01 tháng thì từ 15 ngày trở xuống được tính bằng 1/2 tháng; từ 16 ngày trở lên được tính bằng 01 tháng.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ ban đầu

1. Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 1 được luân chuyển, điều động được hỗ trợ một lần ban đầu như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động từ cấp tỉnh xuống cấp xã:

Về các địa phương có hệ số phụ cấp khu vực 0,2 trở xuống: 12.000.000 đồng/người.

Về các địa phương có hệ số phụ cấp khu vực 0,3 đến 0,5: 14.000.000 đồng/người.

Về các địa phương có hệ số phụ cấp khu vực 0,7: 16.500.000 đồng/người.

b) Cán bộ cấp xã được luân chuyển, điều động lên cấp tỉnh: 12.000.000 đồng/người.

c) Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động ngang cấp ở cấp xã (có thay đổi nơi làm việc giữa các xã, phường, đặc khu): 5.000.000 đồng/người.

d) Cán bộ, công chức, viên chức là nữ được hỗ trợ thêm 50% theo các mức hỗ trợ quy định tại điểm a, b, c khoản này.

2. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động không chấp hành hết thời hạn luân chuyển, điều động phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ ban đầu đã nhận.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí

Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 1 được luân chuyển, điều động, biệt phái từ cấp tỉnh xuống cấp xã, từ cấp xã lên cấp tỉnh, ngang cấp ở cấp xã (có thay đổi nơi làm việc giữa các xã, phường, đặc khu) được hỗ trợ sinh hoạt phí hằng tháng như sau:

1. Từ cấp tỉnh xuống cấp xã, ngang cấp ở cấp xã: 2.000.000 đồng/người/tháng.

2. Từ cấp xã lên cấp tỉnh: 2.500.000 đồng/người/tháng.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đi lại

1. Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 1 được hỗ trợ đi lại hằng tháng như sau:

a) Khoảng cách từ nơi thường trú đến trụ sở làm việc nơi công tác từ 15 km đến dưới 50 km: 1.000.000 đồng/người/tháng;

b) Khoảng cách từ nơi thường trú đến trụ sở làm việc nơi công tác từ 50 km đến dưới 100 km: 2.000.000 đồng/người/tháng;

c) Khoảng cách từ nơi thường trú đến trụ sở làm việc nơi công tác từ 100 km đến dưới 250 km: 2.500.000 đồng/người/tháng;

d) Khoảng cách từ nơi thường trú đến trụ sở làm việc nơi công tác từ 250 km trở lên: 3.000.000 đồng/người/tháng.

2. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về các địa phương có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,4 trở lên được hỗ trợ thêm 20% theo các mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ thuê nhà ở

1. Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 1 được luân chuyển, điều động, biệt phái đến nơi làm việc mới mà không được bố trí nhà ở công vụ thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở hằng tháng như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động, biệt phái từ cấp tỉnh xuống cấp xã và ngang cấp ở cấp xã (có thay đổi nơi làm việc giữa các xã, phường, đặc khu) được hỗ trợ 1.200.000 đồng/người/tháng.

b) Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động, biệt phái từ cấp xã lên cấp tỉnh được hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/tháng.

2. Trường hợp đối tượng được luân chuyển, điều động, biệt phái đã có nhà ở hợp pháp theo quy định tại địa bàn đến công tác thì không được hưởng chính sách hỗ trợ thuê nhà ở.

Điều 7. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các nghị quyết sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Quảng Ngãi Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cán bộ, công chức, viên chức đang hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành chưa hưởng đủ 05 năm chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí, hỗ trợ đi lại và hỗ trợ tiền thuê nhà thì tiếp tục hưởng các chính sách hỗ trợ đó theo Nghị quyết này cho đến khi đủ 05 năm.

2. Cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh đang hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính tỉnh Kon Tum (cũ) về công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh Quảng Ngãi mới sau sắp xếp khi được cấp có thẩm quyền luân chuyển, điều động, biệt phái về công tác tại các xã, phường phía tây của tỉnh Quảng Ngãi thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này thì chấm dứt hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh kể từ thời điểm được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đảng uỷ, TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Đức Tuy